

## **KẾ HOẠCH**

### **Thực hiện Nghị Quyết số 13/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua kết quả giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật về khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2011-2017**

Thực hiện Nghị Quyết số 13/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua kết quả giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2011-2017; xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị Quyết số 13/NQ-HĐND, cụ thể như sau:

#### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

##### **1. Mục đích**

Nhằm tiếp tục thực hiện tốt chính sách, pháp luật về khoáng sản và kịp thời thực hiện các giải pháp để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

##### **2. Yêu cầu**

Việc tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo đúng quy định của pháp luật về khoáng sản, đảm bảo nội dung của Nghị Quyết số 13/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

#### **II. NỘI DUNG THỰC HIỆN**

- Tiếp tục thực hiện tốt các nội dung quy định của pháp luật về khoáng sản, Đề án “Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2011-2017” và Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh. Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, thẩm định việc lập, thi công đề án thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản, kiểm kê trữ lượng khoáng sản. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch khoáng sản làm vật liệu xây dựng.

- Chỉ đạo và hướng dẫn các đơn vị khai thác khoáng sản tổ chức thực hiện quy trình, phương pháp xác định và quản lý sản lượng khoáng sản khai thác thực tế theo đúng quy định của Thông tư số 61/2017/TT-BTNMT ngày 22/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tăng cường các biện pháp để ngăn chặn và xử lý tình trạng khai thác, vận chuyển, tàng trữ, tiêu thụ khoáng sản trái phép.



- Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) đối với dự án khai thác khoáng sản; xử lý nghiêm các đơn vị hoạt động khoáng sản không chấp hành đúng các quy định về bảo vệ môi trường.

- Nghiên cứu, tăng cường bố trí cán bộ có chuyên môn và kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý tài nguyên, khoáng sản cho Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có nhiều hoạt động khoáng sản.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả công tác cải cách hành chính, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động khoáng sản, đảm bảo các thủ tục hành chính được giải quyết nhanh, công khai và minh bạch.

- Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các Sở, ngành có liên quan với chính quyền địa phương trong bảo vệ khoáng sản chưa khai thác. Hằng năm xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra thống nhất giữa các ngành, các cấp đối với hoạt động khoáng sản. Tăng cường thanh tra trách nhiệm đối với người đứng đầu các cơ quan, địa phương trong việc thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên khoáng sản, đồng thời kiểm điểm trách nhiệm nếu để xảy ra vi phạm.

- Giải quyết dứt điểm một số tồn tại trong hoạt động khoáng sản.

*(Có các biểu số 01, 02, 03 kèm theo)*

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Sở Tài nguyên và Môi trường**

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố, thị xã tiếp tục thực hiện tốt các nội dung quy định của pháp luật về khoáng sản; triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được phân công theo Đề án “Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2011-2017”; thực hiện các nội dung, nhiệm vụ theo Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, thẩm định hồ sơ cấp phép thăm dò, phê duyệt trữ lượng khoáng sản, ... công tác thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) đối với dự án khai thác khoáng sản; xử lý nghiêm các đơn vị hoạt động khoáng sản không chấp hành đúng các quy định về bảo vệ môi trường.

- Hướng dẫn, yêu cầu các đơn vị khai thác khoáng sản thực hiện quy trình, phương pháp xác định và quản lý sản lượng khoáng sản khai thác thực tế theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTNMT ngày 22/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Phối hợp với UBND các huyện, thành phố, thị xã tăng cường thực hiện Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác, tăng cường công tác kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý tình trạng khai thác, vận chuyển, tàng trữ, tiêu thụ khoáng sản trái phép.

- Tham mưu giải quyết dứt điểm một số tồn tại trong hoạt động khoáng sản và báo cáo kết quả giải quyết trước ngày 30/9/2019, cụ thể:

+ Đối với 32 mỏ đã được cấp phép nhưng vẫn chưa thực hiện khai thác: hướng dẫn, yêu cầu đóng cửa mỏ đối với 02 mỏ; hướng dẫn, yêu cầu các đơn vị hoàn thiện thủ tục trả lại giấy phép khai thác đối với 03 mỏ; kiểm tra, rà soát làm rõ nguyên nhân để xử lý theo quy định của pháp luật đối với 27 mỏ còn lại (*Biểu số 01*).

+ Đối với 26 mỏ giấy phép đã hết hạn nhưng chưa được cấp lại hoặc chưa thực hiện các thủ tục để đóng cửa mỏ: hướng dẫn, đôn đốc 07 mỏ đẩy nhanh việc thực hiện các thủ tục cấp lại giấy phép; 19 mỏ lập hồ sơ, thực hiện thủ tục đóng cửa mỏ, đồng thời yêu cầu các đơn vị cam kết về tiến độ thực hiện, trường hợp các doanh nghiệp vi phạm cam kết, xử lý theo quy định của pháp luật (*Biểu số 02*).

+ Kiểm tra, rà soát để có biện pháp giải quyết đối với các mỏ mà giấy phép vẫn còn hiệu lực, đã thực hiện khai thác nhưng hiện tại đang dừng khai thác.

+ Về công tác quản lý đất đai: Kiểm tra, rà soát lại toàn bộ diện tích đất đã cấp phép cho các mỏ khoáng sản để giải quyết dứt điểm các vi phạm trong quản lý đất đai. Tiến hành thanh tra, kiểm tra để xử lý theo đúng quy định của pháp luật đối với các đơn vị được cấp phép khai thác nhưng chưa ký hợp đồng thuê đất, chưa nộp tiền thuê đất theo quy định.

+ Giải quyết dứt điểm hoạt động xả thải gây ô nhiễm môi trường tại Mỏ sắt Cây Thị của Chi nhánh Công ty Cổ phần Kim Sơn; Mỏ sắt Linh Nham; việc sụt lún, mất nước sản xuất và sinh hoạt của nhân dân (Mỏ sắt Trại Cau); tình trạng Moong Thác Lạc (đã dừng khai thác) của Mỏ sắt Trại Cau có nguy cơ vỡ đập, ảnh hưởng tới tính mạng và tài sản của nhân dân quanh khu vực.

## **2. Sở Công Thương**

- Chủ trì rà soát tham mưu cho UBND tỉnh trong việc lập, điều chỉnh, bổ sung công bố và tổ chức thực hiện quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản (trừ khoáng sản vật liệu xây dựng) thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, đảm bảo tăng cường quy mô, vốn đầu tư phù hợp với nhu cầu thị trường, hạn chế tối đa tình trạng khai thác nhỏ lẻ, công nghệ lạc hậu.

- Chủ trì, phối hợp các Sở ngành liên quan tăng cường kiểm tra việc chấp hành các quy định về vật liệu nổ công nghiệp, về quản lý bãi thải; các quy



chuẩn, quy định về an toàn trong khai thác, chế biến khoáng sản, phù hợp thiết kế mỏ đã thẩm định, phê duyệt.

- Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được phân công theo Đề án “Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2017-2020”.

### **3. Sở Xây dựng**

- Chủ trì rà soát tham mưu cho UBND tỉnh trong việc lập, điều chỉnh, bổ sung công bố và tổ chức thực hiện quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, đảm bảo tăng cường quy mô, vốn đầu tư phù hợp với nhu cầu thị trường, hạn chế tối đa tình trạng khai thác nhỏ lẻ, công nghệ lạc hậu.

- Tăng cường kiểm tra việc thực hiện các quy định, quy chuẩn về an toàn trong khai thác, chế biến khoáng sản, phù hợp thiết kế mỏ đã thẩm định, phê duyệt.

- Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được phân công theo Đề án “Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2017-2020”.

### **4. Cục Thuế tỉnh**

Chủ trì, phối hợp các Sở, ngành liên quan tăng cường thực hiện các biện pháp chống thất thu thuế trong lĩnh vực tài nguyên khoáng sản. Đối với 65 đơn vị khai thác khoáng sản chưa hoàn thành các nghĩa vụ tài chính với ngân sách nhà nước: có các biện pháp xử lý nghiêm khắc để yêu cầu các đơn vị này chấp hành nghĩa vụ với nhà nước theo quy định, báo cáo UBND tỉnh kết quả giải quyết trước ngày 30/9/2019 (Biểu số 3).

### **5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã**

- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án “Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2017-2020” và các nội dung quy định của pháp luật về khoáng sản; phối hợp các sở ngành tổ chức thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác quản lý tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường thuộc địa bàn quản lý.

- Chỉ đạo UBND cấp xã thực hiện các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác. Đồng thời tổ chức kiểm tra, kiểm soát, kịp thời phát hiện và xử lý theo thẩm quyền các hoạt động khai thác, chế biến, mua bán, tàng trữ, vận chuyển khoáng sản trái phép trên địa bàn. Khi cần thiết, huy động và chỉ đạo các lực lượng trên địa bàn phối hợp để giải tỏa, ngăn chặn ngay các hoạt động khoáng sản trái phép.

- Lập phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác theo địa giới hành chính; tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; huy động và chỉ đạo phối hợp các lực lượng trên địa bàn để giải tỏa, ngăn chặn hoạt động khoáng sản trái phép. Xây dựng dự toán kinh phí hàng năm cho công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác.

- Phối hợp với ngành chức năng của tỉnh trong việc tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản và kiểm tra, xử lý các vi phạm các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản trên địa bàn quản lý.

- Giải quyết theo thẩm quyền các thủ tục cho thuê đất hoạt động khoáng sản, sử dụng hạ tầng kỹ thuật và các vấn đề khác có liên quan cho tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản tại địa phương theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với Sở Nội vụ rà soát, bố trí cán bộ có chuyên môn và kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý tài nguyên, khoáng sản.

6. Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã căn cứ nội dung phân công theo Kế hoạch, chủ động tổ chức thực hiện, kết quả báo cáo UBND tỉnh và gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước **ngày 30/9/2019** để tổng hợp.

Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 13/NQ-HĐND về UBND tỉnh trước **ngày 10/10/2019**.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên thông qua kết quả giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2011-2017, yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã khẩn trương triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH, CNN.

ĐAT. KH.25/02. 30b



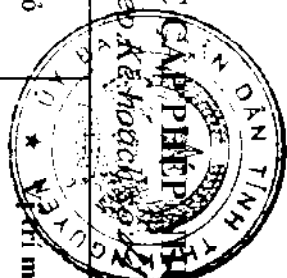
**CHỦ TỊCH**

**Vũ Hồng Bắc**



## CÁC MỎ ĐƯỢC CẤP PHÉP KINH CHỮA THỰC HIỆN KHAI THÁC TÍNH ĐẾN HẾT NĂM 2017

(Kèm theo Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 08/10/2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên)



| Số TT   | Tên doanh nghiệp/ Tên mỏ | Số giấy phép, ngày cấp, thời hạn cấp         | Loại khoáng sản được cấp khai thác, trữ lượng | Thời gian thực hiện/hoàn thành                    |
|---|--------------------------|--|---|---|
| <b>I</b>  |                          |  |   |   |
| <b>Chỉ đạo đóng cửa mỏ (02 mỏ)</b>  |                          |  |   |   |
| <b>HTX Công nghiệp và Vận tải Chiến Công</b>  |                          |  |   |   |
| 1   | Mỏ sắt Văn Hào           | Xã Hoà Trung và xã Hoà Thượng, huyện Đông Hồ | 2936/GP-UBND ngày 06/12/2010;<br>7,5 năm      | Sắt<br>12.600 tấn<br>Quý II/2019                  |
| <b>Công ty TNHH Xây dựng Trường Phát</b>  |                          |  |   |   |
| 2   | Mỏ đá vôi Làng Giai      | Xã La Hiên, huyện Võ Nhai                    | 20/GP-UBND ngày 07/01/2014;<br>30 năm         | Đá vôi<br>8.910.000 m <sup>3</sup><br>Quý II/2019 |
| <b>II</b>   |                          |  |   |   |
| <b>Hướng dẫn, yêu cầu các đơn vị hoàn thiện thủ tục trả lại giấy phép khai thác (03 mỏ)</b> |                          |  |   |   |
| <b>Công ty CP Khai khoáng miền núi</b>  |                          |  |   |   |
| 3   | Mỏ than Suối Huyền       | Xã An Khánh và xã Cù Vân, huyện Đại Từ       | 2371/GP-UBND ngày 14/10/2010;<br>23 năm       | Than<br>870.483 tấn<br>Quý II/2019                |
| 4   | Mỏ than Xóm 11           | Xã Hà Thượng, huyện Đại Từ                   | 1572/GP-UBND ngày 09/7/2010;<br>13 năm        | Than<br>118.095 tấn<br>Quý II/2019                |
| <b>Công ty TNHH MTV Xây dựng và Khai khoáng Việt Bắc</b>                                    |                          |  |   |   |
| 5   | Mỏ sét Khe Mo            | Xã Khe Mo, huyện Đông Hồ                     | 1403/QĐ-UBND ngày 08/7/2006;<br>23,5 năm      | Sét xi măng<br>2.005.000 tấn<br>Quý II/2019       |

| Số TT      | Tên doanh nghiệp/ Tên mỏ  | Vị trí mỏ được cấp phép                              | Số giấy phép, ngày cấp, thời hạn cấp          | Loại khoáng sản được cấp khai thác, trữ lượng | Thời gian thực hiện/hoàn thành |
|------------|---|--|---|---|--------------------------------|
| <b>III</b> | <b>Các mỏ đề nghị chỉ đạo kiểm tra, làm rõ nguyên nhân để xử lý theo quy định (27 mỏ)</b> |  |   |   |                                |
|            | <b>Công ty CP Kim loại màu Thái Nguyên-Vimico</b>   |  |   |   |                                |
| 6          | Mỏ thiếc góc Tiểu khu phía Nam khu Tây Núi Pháo   | Xã Hà Thượng, xã Hùng Sơn, xã Tân Thái, huyện Đại Từ | 1689/GP-BTNMT ngày 12/7/2017; 13 năm 10 tháng | Thiếc<br>245.750 tấn                          | Quý III/2019                   |
|            | <b>Công ty CP Kim Sơn</b>   |  |   |   |                                |
| 7          | Mỏ than Giang Tiên  | Thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương                 | 1611/GP-UBND ngày 28/6/2011; 10 năm           | Than<br>5.785 tấn                             | Quý III/2019                   |
|            | <b>Công ty TNHH Bê tông Xây dựng Việt Cường</b>   |  |   |   |                                |
| 8          | Mỏ đá xóm Mới   | Xã Tân Long, huyện Đông Hỷ                           | 1257/GP-UBND ngày 20/5/2011; 30 năm           | Đá vôi<br>2.441.000 m <sup>3</sup>            | Quý III/2019                   |
|            | <b>Công ty TNHH Doanh Trí</b>   |  |   |   |                                |
| 9          | Mỏ cát sỏi xóm Ngược  | Xã Nhà Lộng và xã Bảo Lý, huyện Phú Bình             | 2531/GP-UBND ngày 21/8/2017; 10 năm           | Cát sỏi<br>354.323 m <sup>3</sup>             | Quý III/2019                   |
|            | <b>Công ty TNHH Xây dựng Trường Phát</b>  |  |   |   |                                |
| 10         | Mỏ cát sỏi xóm Đình, xóm Ván Trai   | Xã Tân Phú, thị xã Phổ Yên                           | 99/GP-UBND ngày 19/01/2012; 14,2 năm          | Cát sỏi<br>312.365 m <sup>3</sup>             | Quý III/2019                   |





| Số TT  | Tên doanh nghiệp/ Tên mỏ | Địa điểm được cấp phép                         | Số giấy phép, ngày cấp, thời hạn cấp          | Loại khoáng sản được cấp khai thác, trữ lượng | Thời gian thực hiện/hoàn thành |
|--|--------------------------|--|---|---|--------------------------------|
| 11   | Mỏ đá vôi La Hien 2      | Xã La Hien, huyện Võ Nhai                      | 21/GP-UBND ngày 07/01/2014;<br>30 năm         | Đá vôi<br>8.972.316 m <sup>3</sup>            | Quý III/2019                   |
| 12   | Mỏ đá vôi La Hien 1      | Xã La Hien, huyện Võ Nhai                      | 22/GP-UBND ngày 07/01/2014;<br>30 năm         | Đá vôi<br>5.346.000 m <sup>3</sup>            | Quý III/2019                   |
| <b>Công ty TNHH Đức Vạn Thông Thái Nguyễn Việt Trung</b>     |                          |  |   |   |                                |
| 13   | Mỏ thiếc Đông Núi Pháo   | Xã Cửu Vân, huyện Đại Từ                       | 1497/GP-UBND ngày 20/6/2011;<br>16,5 năm      | Thiếc<br>72.358 tấn                           | Quý III/2019                   |
| 14   | Mỏ thiếc La Bằng         | Xã La Bằng, huyện Đại Từ                       | 1577/GP-UBND ngày 24/6/2011;<br>16,4 năm      | Thiếc<br>71.879 tấn                           | Quý III/2019                   |
| <b>Công ty TNHH Thương mại Cường Phúc</b>                    |                          |  |   |   |                                |
| 15   | Mỏ đá vôi Nước Lạnh      | Xã Tân Lương và xã Quang Sơn,<br>huyện Đông Hy | 282/GP-UBND ngày 23/02/2012;<br>30 năm        | Đá vôi<br>1.155.685 m <sup>3</sup>            | Quý III/2019                   |
| <b>Công ty TNHH Dầu tự sản xuất và Thương mại Thành Hưng</b> |                          |  |   |   |                                |
| 16   | Mỏ đá cát kết La Hien    | Xã La Hien, huyện Võ Nhai                      | 1623/GP-UBND ngày 28/6/2011;<br>30 năm        | Đá cát kết<br>985.000 m <sup>3</sup>          | Quý III/2019                   |
| <b>Công ty TNHH An Lộc</b>                                   |                          |  |   |   |                                |
| 17   | Mỏ đá vôi Tân Long       | Xã Tân Long, huyện Đông Hy                     | 854/GP-UBND ngày 11/4/2017;<br>28 năm 8 tháng | Đá vôi<br>1.383.668 m <sup>3</sup>            | Quý III/2019                   |

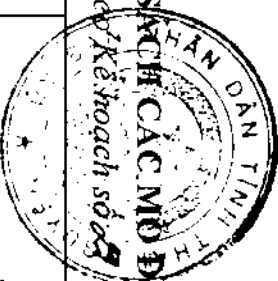
| Số TT | Tên doanh nghiệp/ Tên mỏ                               | Vị trí mỏ được cấp phép                       | Số giấy phép, ngày cấp, thời hạn cấp     | Loại khoáng sản được cấp khai thác, trữ lượng | Thời gian thực hiện/hoàn thành |
|-------|--|---|--|---|--------------------------------|
|       | <b>HTX Xây dựng và Vận tải Hoa Bằng</b>                |   |  |   |                                |
| 18    | Mỏ đá vôi Lịch Sơn                                     | Xã La Hiên, huyện Võ Nhai                     | 1333/GP-UBND ngày 30/5/2011;<br>26,6 năm | Đá vôi<br>786.927 m <sup>3</sup>              | Quý III/2019                   |
|       | <b>Công ty CP Bất động sản và Khoáng sản Đại Việt</b>  |   |  |   |                                |
| 19    | Mỏ đá vôi Trúc Mai 1                                   | Xã Lâu Thượng và xã La Hiên,<br>huyện Võ Nhai | 1332/GP-UBND ngày 30/5/2011;<br>30 năm   | Đá vôi<br>13.035.000 m <sup>3</sup>           | Quý III/2019                   |
|       | <b>Công ty CP Đầu tư khai thác khoáng sản Thái Lâm</b> |   |  |   |                                |
| 20    | Mỏ đá vôi Vạn Xuân                                     | Xã Lâu Thượng, huyện Võ Nhai                  | 1654/GP-UBND ngày 29/6/2011;<br>25 năm   | Đá vôi<br>2 387 583 m <sup>3</sup>            | Quý III/2019                   |
|       | <b>Công ty CP Đại hữu và Phát triển dầu khí</b>        |   |  |   |                                |
| 21    | Mỏ đá vôi La Đồng                                      | Xã La Hiên, huyện Võ Nhai                     | 1620/GP-UBND ngày 28/6/2011;<br>30 năm   | Đá vôi<br>11.600.000 m <sup>3</sup>           | Quý III/2019                   |
|       | <b>Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Hà Nội</b>            |   |  |   |                                |
| 22    | Mỏ đá vôi Lũng Chồ 2                                   | Xã Quang Sơn và xã Tân Long,<br>huyện Đông Hà | 1683/GP-UBND ngày 30/6/2011;<br>30 năm   | Đá vôi<br>1.392.000 m <sup>3</sup>            | Quý III/2019                   |
|       | <b>Công ty CP Đức Chung Thái Nguyên</b>                |   |  |   |                                |



| Số TT  | Tên doanh nghiệp/ Tên mỏ                            | được cấp phép   | Số giấy phép, ngày cấp, thời hạn cấp    | Loại khoáng sản được cấp khai thác, trữ lượng | Thời gian thực hiện/hoàn thành |
|--|---|---|---|---|--------------------------------|
| 23   | Mỏ đá vôi Hang Trai 2                               |   | 598/GP-UBND ngày 15/3/2017;<br>30 năm   | Đá vôi<br>5.134.049 m <sup>3</sup>            | Quý III/2019                   |
| <b>Công ty TNHH Xây dựng Mai Linh</b>                |   |   |   |   |                                |
| 24   | Mỏ cát sỏi khu vực phường Phố Cò                    | Phường phố Cò, thành phố Sông Công và xã Minh Đức, xã Đắc Sơn, thị xã Phố Yên | 3555/GP-UBND ngày 14/11/2017;<br>10 năm | Cát sỏi<br>200.454 m <sup>3</sup>             | Quý III/2019                   |
| <b>Công ty CP Bảo Khánh Thái Nguyên</b>              |   |   |   |   |                                |
| 25   | Mỏ cát sỏi khu vực Bồng Lai                         | Xã Thương Đình và xóm Ngọc, xã Bảo Lý, huyện Phú Bình                         | 2204/GP-UBND ngày 24/7/2017;<br>10 năm  | Cát sỏi<br>148.398 m <sup>3</sup>             | Quý III/2019                   |
| <b>Công ty CP Đầu tư xây dựng Công nghiệp Hà Nội</b> |   |   |   |   |                                |
| 26   | Mỏ cát sỏi khu vực xóm Nga My                       | Xã Nga My và xóm Đồng Ngọc, xã Jà Châu, huyện Phú Bình                        | 1982/GP-UBND ngày 03/7/2017;<br>10 năm  | Cát sỏi<br>699.193 m <sup>3</sup>             | Quý III/2019                   |
| <b>Công ty TNHH Xây dựng Phú Thành</b>               |   |   |   |   |                                |
| 27   | Mỏ cát sỏi khu vực suối Kèn                         | Xã Lục Ba, xã Văn Thọ và xã Kỳ Phú, huyện Đại Từ                              | 2872/GP-UBND ngày 21/9/2017;<br>10 năm  | Cát sỏi<br>230.571 m <sup>3</sup>             | Quý III/2019                   |
| <b>Công ty CP Đầu tư Thương mại Thủ đô Gio Ngân</b>  |   |   |   |   |                                |
| 28   | Mỏ vàng gốc, deluvi khu vực Đèo Càng, Lũng Địa Chát | Xã Thân Sa, huyện Võ Nhai   | 2268/GP-UBND ngày 01/9/2015;<br>29 năm  | Vàng gốc, deluvi<br>147.892 tấn               | Quý III/2019                   |
| <b>HTX Công nghiệp và Vận tải Chiến Công</b>         |   |   |   |   |                                |

| Số TT   | Tên doanh nghiệp/ Tên mỏ        | Vị trí mỏ được cấp phép  | Số giấy phép, ngày cấp, thời hạn cấp            | Loại khoáng sản được cấp khai thác, trữ lượng | Thời gian thực hiện/hoàn thành |
|---|---------------------------------|--|---|---|--------------------------------|
| 29  | Mỏ vàng góc Khau Âu             | Xã Thần Sa, huyện Võ Nhai  | 1725/QĐ-UBND ngày 31/7/2008;<br>24,5 năm        | Vàng gốc<br>181.667 tấn                       | Quý III/2019                   |
| <b>Công ty TNHH Mỏ Nhân Thịnh</b>                 |                                 |  |   |   |                                |
| 30  | Mỏ cát sỏi khu vực Sông Cầu     | Xã Minh Lập, huyện Đồng Hỷ;<br>xã Vô tranh, xã Tức Tranh,<br>huyện Phú Lương               | 1652/GP-UBND ngày 29/6/2011;<br>29 năm          | Cát sỏi<br>2.502.286 m <sup>3</sup>           | Quý III/2019                   |
| <b>Công ty TNHH Hải Thành</b>                     |                                 |  |   |   |                                |
| 31  | Mỏ cát sỏi khu vực xã Tân Cương | Xã Thịnh Đức, thành phố<br>Thái Nguyên và xã Bình Sơn,<br>xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công | 2934/GP-UBND ngày 01/11/2016;<br>13 năm 4 tháng | Cát sỏi<br>591.621 m <sup>3</sup>             | Quý III/2019                   |
| <b>Công ty CP Vận tải xây dựng Tân Hưng Thịnh</b> |                                 |  |   |   |                                |
| 32  | Mỏ đất san lấp núi Choẹt        | Xã Minh Đức, thị xã Phổ Yên  | 2751/GP-UBND ngày 11/9/2017;<br>09 năm 10 tháng | Đất san lấp<br>1.851.058 m <sup>3</sup>       | Quý III/2019                   |

**DANH SÁCH CÁC MÔ ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC ĐÃ HẾT HIỆU LỰC**  
(Kèm theo Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 27/10/2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên)



| Số TT    | Tên doanh nghiệp/ Tên mô   | Vị trí mô được cấp phép      | Số giấy phép, ngày cấp, thời hạn cấp    | Loại khoáng sản được cấp khai thác, trữ lượng (tấn, m <sup>3</sup> ) | Diện tích cấp phép (ha) | Thời gian thực hiện/hoàn thành |
|----------|--|------------------------------|---|--|-------------------------|--------------------------------|
| <b>I</b> | <b>Các mô đề nghị đẩy nhanh thực hiện thủ tục để cấp lại giấy phép khai thác (07 mô)</b> |                              |   |  |                         |                                |
|          | <b>Công ty CP Vinasunny</b>  |                              |   |  |                         |                                |
| 1        | Mô đồng Klau Vàng  | Xã Sàng Mộc, huyện Võ Nhai   | 398/GP-UBND ngày 21/02/2011;<br>05 năm  | Đồng<br>91.542 tấn   | 41,83                   | Quý III/2019                   |
|          | <b>Công ty CP Xây dựng và Thương mại Đại Long Giang</b>                                  |                              |   |  |                         |                                |
| 2        | Mô Bari I Đông Lê  | Xã Đông Đạt, huyện Phú Lương | 845/GP-UBND ngày 04/4/2011;<br>03 năm   | Bari<br>5.150 tấn  | 0,65                    | Quý III/2019                   |
|          | <b>Công ty TNHH Quang Trung</b>  |                              |   |  |                         |                                |
| 3        | Mô sét Làng Bùn  | Xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương  | 856/GP-UBND ngày 23/4/2009;<br>03 năm   | Sét gạch ngói<br>188.281 m <sup>3</sup>                              | 1,124                   | Quý III/2019                   |
|          | <b>Công ty TNHH Mai Linh C</b>   |                              |   |  |                         |                                |
| 4        | Mô cao lanh Phú Lạc  | Xã Phú Lạc, huyện Đại Từ     | 1606/GP-UBND ngày 28/6/2011;<br>05 năm  | Cao lanh<br>162.000 tấn  | 2                       | Quý III/2019                   |
|          | <b>Công ty CP Cơ khí 3-2 Thái Nguyên</b>   |                              |   |  |                         |                                |
| 5        | Mô cao lanh Phú Lạc  | Xã Phú Lạc, huyện Đại Từ     | 3067/GP-UBND ngày 14/12/2010;<br>05 năm | Cao lanh<br>240.000 tấn  | 3                       | Quý III/2019                   |

| Số TT     | Tên doanh nghiệp/Tên mỏ   | Vị trí mỏ được cấp phép          | Số giấy phép, ngày cấp, thời hạn cấp    | Loại khoáng sản được cấp khai thác, trữ lượng (tấn, m <sup>3</sup> ) | Diện tích cấp phép (ha) | Thời gian thực hiện/hoàn thành |
|-----------|---|----------------------------------|---|--|-------------------------|--------------------------------|
|           | <b>Công ty CP Kim Sơn</b>   |                                  |   |  |                         |                                |
| 6         | Mỏ đá vôi Lãng Mới 2  | Xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ       | 2157/GP-UBND ngày 20/9/2010;<br>05 năm  | Đá vôi<br>180.000 m <sup>3</sup>                                     | 8,121                   | Quý III/2019                   |
|           | <b>Công ty TNHH Đại Phúc</b>  |                                  |   |  |                         |                                |
| 7         | Mỏ đất xóm Bờ Lờ  | Xã Vinh Sơn, thành phố Sông Công | 1116/GP-UBND ngày 29/4/2011;<br>05 năm  | Đất san lấp<br>455.000 m <sup>3</sup>                                | 8                       | Quý III/2019                   |
| <b>II</b> | <b>Các mỏ đề nghị đẩy nhanh thực hiện thủ tục đóng cửa mỏ (19 mỏ)</b> |                                  |   |  |                         |                                |
|           | <b>HTX Công nghiệp và Vận tải Chiến Công</b>                          |                                  |   |  |                         |                                |
| 8         | Mỏ đá vôi Xuân Hoà  | Xã La Hiên, huyện Võ Nhai        | 3034/GP-UBND ngày 13/12/2010;<br>05 năm | Đá vôi<br>160.000 m <sup>3</sup>                                     | 9,621                   | Quý III/2019                   |
| 9         | Mỏ đá vôi Trúc Mai  | Xã Lâu Thượng, huyện Võ Nhai     | 3035/GP-UBND ngày 13/12/2010            | Đá vôi<br>160.000 m <sup>3</sup>                                     | 8,606                   | Quý III/2019                   |
| 10        | Mỏ chì kẽm Lũng Đình-Lũng Sáu   | Xã Thán Sa, huyện Võ Nhai        | 677/GP-UBND ngày 29/3/2010;<br>05 năm   | Chì kẽm<br>44.053 tấn  | 15                      | Quý III/2019                   |
| 11        | Mỏ chì kẽm Khuổi Chạo   | Xã Sàng Mộc, huyện Võ Nhai       | 676/GP-UBND ngày 29/3/2010<br>05 năm    | Chì kẽm<br>20.206 tấn  | 20,83                   | Quý III/2019                   |
| 12        | Mỏ chì kẽm Khuổi Mèo  | Xã Sàng Mộc, huyện Võ Nhai       | 679/GP-UBND ngày 29/3/2010;<br>05 năm   | Chì kẽm<br>14.318 tấn  | 13,12                   | Quý III/2019                   |
| 13        | Mỏ chì kẽm Khuôn Vạc  | Xã La Hiên, huyện Võ Nhai        | 680/GP-UBND ngày 29/3/2010;<br>05 năm   | Chì kẽm<br>7.388 tấn   | 9,5                     | Quý III/2019                   |



| Số TT   | Tên doanh nghiệp/ Tên mỏ      | Vị trí mỏ được cấp phép                    | Số giấy phép, ngày cấp, thời hạn cấp  | Loại khoáng sản được cấp khai thác, trữ lượng (tấn, m <sup>3</sup> ) | Diện tích cấp phép (ha) | Thời gian thực hiện/hoàn thành |
|---|-------------------------------|--|---------------------------------------|--|-------------------------|--------------------------------|
| 14  | Mỏ chì kẽm Đản Deng           | Xã Hải Sa, huyện Võ Nhai                   | 681/GP-UBND ngày 29/3/2010; 05 năm    | Chì kẽm<br>24.418 tấn  | 6,3                     | Quý III/2019                   |
| 15  | Mỏ chì kẽm Bó T'ông - Lũng Áp | Xã Sáng Mộc, huyện Võ Nhai                 | 678/GP-UBND ngày 29/3/2010; 05 năm    | Chì kẽm<br>60.582 tấn  | 38,14                   | Quý III/2019                   |
| 16  | Mỏ sắt Đuôm                   | Xã Động Đạt, huyện Phú Lương               | 475/QĐ-UBND ngày 12/3/2008; 6,5 năm   | Sắt<br>197.710 tấn   | 18,5                    | Quý III/2019                   |
| <b>Công ty CP Măng gan Chiến Thắng</b>                        |                               |  |                                       |  |                         |                                |
| 17  | Mỏ đá vôi Làng Giai 2         | Xã La Hiến, huyện Võ Nhai                  | 1560/GP-UBND ngày 22/6/2011; 05 năm   | Đá vôi<br>160.000 m <sup>3</sup>                                     | 9,885                   | Quý III/2019                   |
| <b>Công ty CP Đầu tư và Sản xuất công nghiệp</b>              |                               |  |                                       |  |                         |                                |
| 18  | Mỏ đất sét Xóm Huyện          | Phường Phố Cò, thành phố Sông Công         | 2813/QĐ-UBND ngày 31/10/2003; 10 năm  | Sét gạch ngói<br>767.500 m <sup>3</sup>                              | 11,7                    | Quý III/2019                   |
| <b>Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển nông thôn miền núi</b> |                               |  |                                       |  |                         |                                |
| 19  | Mỏ chì - kẽm Bàn Tèn          | Xã Văn Lăng, huyện Đông Hồ                 | 2339/QĐ-UBND ngày 02/10/2008; 06 năm  | Chì kẽm<br>56.107 tấn  | 5,6                     | Quý III/2019                   |
| <b>Công ty TNHH Thương mại Cường Phúc</b>                     |                               |  |                                       |  |                         |                                |
| 20  | Mỏ photphorit Làng Đoi        | Xã Tân Long và xã Quang Sơn, huyện Đông Hồ | 2783/QĐ-UBND ngày 06/12/2007; 4,5 năm | Photphorit<br>11.873 tấn   | 4,8                     | Quý III/2019                   |
| <b>Công ty TNHH MTV Khoáng sản và Bất động sản Anh Thắng</b>  |                               |  |                                       |  |                         |                                |
| 21  | Mỏ vàng sa khoáng Làng Nhâu   | Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai                | 1616/GP-UBND ngày 28/6/2011; 05 năm   | Vàng sa khoáng<br>145.640 m <sup>3</sup>                             | 30,8                    | Quý III/2019                   |

| Số TT | Tên doanh nghiệp/ Tên mô                       | Vị trí mô được cấp phép       | Số giấy phép, ngày cấp, thời hạn cấp   | Loại khoáng sản được cấp khai thác, trữ lượng (tấn, m <sup>3</sup> ) | Diện tích cấp phép (ha) | Thời gian thực hiện/hoàn thành |
|-------|--|-------------------------------|--|--|-------------------------|--------------------------------|
|       | <b>Công ty TNHH Xây dựng và Đào tạo Á Châu</b> |                               |  |  |                         |                                |
| 22    | Mô đất Ao Lác                                  | Xã Yên Lạc, huyện Phú Lương   | 78/GP-UBND ngày 13/01/2016;<br>01 năm  | Đất san lấp<br>96.000 m <sup>3</sup>                                 | 0,97                    | Quý III/2019                   |
| 23    | Mô đất Đồng Tiến                               | Xã Tức Tranh, huyện Phú Lương | 80/GP-UBND ngày 13/01/2016;<br>01 năm  | Đất san lấp<br>96.000 m <sup>3</sup>                                 | 1,08                    | Quý III/2019                   |
| 24    | Mô đất Quang Trung I                           | Xã Sơn Cầm, huyện Phú Lương   | 79/GP-UBND ngày 13/01/2016;<br>01 năm  | Đất san lấp<br>81.000 m <sup>3</sup>                                 | 0,97                    | Quý III/2019                   |
|       | <b>Công ty TNHH Kim loại màu Việt Bắc</b>      |                               |  |  |                         |                                |
| 25    | Mô chi kềm Núi Vuốt                            | Xã Tân Thái, huyện Đại Từ     | 2163/GP-UBND ngày 04/9/2009;<br>05 năm                                       | Chi kềm<br>105.500 tấn   | 3,5                     | Quý III/2019                   |
|       | <b>Công ty CP Khoáng sản Bắc Kạn</b>           |                               |  |  |                         |                                |
| 26    | Nước khoáng La Hiến, Lô khoan 407              | Xã La Hiến, huyện Võ Nhai     | 2019/GP-BTNMT ngày<br>10/12/2008 (2207/GP-DCKS<br>ngày 28/9/2001);<br>10 năm | Nước khoáng  |                         | Quý III/2019                   |



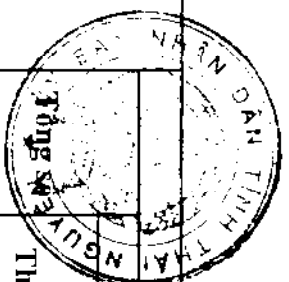
**DANH SÁCH CÁC DOANH NGHIỆP HOÀN ĐỒNG KHOẢNG SẢN CHƯA HOÀN THÀNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH**

(Kèm theo Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 27/02/2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | Tên Doanh nghiệp   | Các khoản chưa nộp ngân sách |        |             |                              |               |                | Ghi chú  | Thời gian thực hiện/hoàn thành |
|-----|--|------------------------------|--------|-------------|------------------------------|---------------|----------------|--|--------------------------------|
|     |  | Tổng số                      | Thuế   | Phí, Lệ phí | Tiền cấp quyền KT khoảng sản | Tiền thuê đất | Các khoản khác |  |                                |
| 1   | Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn; địa chỉ: Xã Quang Sơn, huyện Đông Hy, tỉnh Thái Nguyên   | 24.804                       | 12.282 | 1.295       | 11.227                       | -             | -              | Ngân sách nhà nước đang nợ tiền xi măng của Công ty thuộc đối tượng được bù trừ nợ thuế; ngày 18/7/2018, Công ty đã nộp thuế | Quý III/2019                   |
| 2   | Công ty TNHH MTV Khoáng sản và Bất động sản Anh Thắng; địa chỉ: Số nhà 214, tổ 30, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên | 13.300                       | -      | -           | 13.300                       | -             | -              | Ngày 27/07/2018, Công ty đã nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản 33 triệu đồng  | Quý III/2019                   |
| 3   | Hợp tác xã Công nghiệp và Vận tải Chiến Công; địa chỉ: Khối phố 3, phường Phố Cò, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên                            | 130.487                      | 29.217 | 18.661      | 32.402                       | 1.821         | 48.386         | Tháng 8/2018, Hợp tác xã đã nộp 1,5 tỷ đồng của thuế giá trị gia tăng, đã thực hiện cưỡng chế                                | Quý III/2019                   |
| 4   | Công ty TNHH Doanh Trí, địa chỉ: Tầng 2, khách sạn Quang Đạt, đường Phú Liên, tổ 19, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên | 937                          | 204    | -           | 733                          | -             | -              |  | Quý III/2019                   |
| 5   | Công ty CP Tập đoàn Đông Á; địa chỉ: Thôn Trảng Bạch, xã Hoàng Quế, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh   | 3.345                        | 26     | 30          | 3.284                        | -             | 5              | Ngày 5/4/2018, Công ty đã nộp 62 triệu đồng  | Quý III/2019                   |

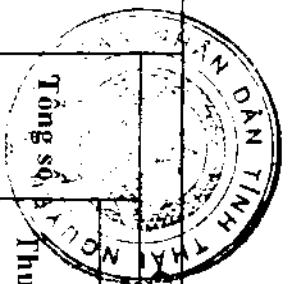
| STT | Tên Doanh nghiệp   | Các khoản chưa nộp ngân sách |          |             |                              |               |                | Ghi chú   | Thời gian thực hiện/hoàn thành |
|-----|--|------------------------------|----------|-------------|------------------------------|---------------|----------------|---|--------------------------------|
|     |  | Tổng số                      | Trong đó |             |                              |               | Các khoản khác |   |                                |
|     |  |                              | Thuế     | Phí, Lệ phí | Tiền cấp quyền KT khoáng sản | Tiền thuế đất |                |   |                                |
| 6   | Công ty TNHH XNK Tổng hợp Bắc Sông Cầu Thái Nguyên; địa chỉ: Xóm 5, thị trấn Sông Cầu, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên                         | 342                          | -5       | -           | 347                          | -             | -              | Quý III/2019  |                                |
| 7   | Công ty TNHH Thương Mại và Xây dựng Tập Trung; địa chỉ: Xóm Làng Mới, xã Tân Long, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên                             | 991                          | 496      | 65          | 231                          | -45           | 244            | Công ty nộp thừa 45 triệu đồng; năm 2018, Công ty đã nộp 161,6 triệu đồng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền thuế                                |                                |
| 8   | Công ty CP Đầu tư TM Xây dựng Hòa Phát; địa chỉ: Số 31 đường Hoàng Văn Thụ, tổ 25, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên | 3.294                        | 225      | -           | 2.037                        | -             | 1.032          | Năm 2018, Công ty đã nộp 973 triệu đồng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản   |                                |
| 9   | Công ty TNHH TM và DV Đồng Phú; địa chỉ: Xóm Na Oai, xã Quang Sơn, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên   | 3.218                        | 165      | 335         | 2.047                        | -             | 671            | Ngày 24/5/2018, Công ty đã nộp 10 triệu đồng  |                                |
| 10  | Công ty TNHH Sơn Thắng; địa chỉ: Xóm Xuân Hòa, xã La Hiên, huyện Võ Nhai (Trước đây là công ty CP xây dựng giao thông 1 Thái Nguyên)           | 275                          | 174      | 67          | -                            | -             | 34             | Công ty đã nộp số còn nợ trong năm 2018 là 182 triệu đồng, trong đó: Thuế tài nguyên 60 triệu đồng, thuế giá trị gia tăng 77 triệu đồng; phí bảo vệ môi |                                |
| 11  | Doanh nghiệp TN Tâm Thủy, địa chỉ: Phố Giang Bình, thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên                                      | 1.145                        | 276      | 2           | 423                          | -             | 444            | Đã có quyết định thu hồi dự án  |                                |



| STT | Tên Doanh nghiệp   | Các khoản chưa nộp ngân sách |             |                              |               |                |       | Ghi chú   | Thời gian thực hiện/hoàn thành |
|-----|--|------------------------------|-------------|------------------------------|---------------|----------------|-------|---|--------------------------------|
|     |  | Thuế                         | Phí, Lệ phí | Tiền cấp quyền KT khoáng sản | Tiền thuê đất | Các khoản khác |       |   |                                |
| 12  | Hợp tác xã Triền Hào; địa chỉ: Xóm Tân Thịnh, xã Văn Lăng, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên   | 903                          | -           | 651                          | -             | 252            |       | Quý III/2019  |                                |
| 13  | Công ty CP Tâm lược và VLXD Thái Nguyên; Km2 - Quốc lộ 1B (Thái Nguyên đi Lạng Sơn), lô 5; phường Chùa Hang; thành phố Thái Nguyên; tỉnh Thái Nguyên | 4.054                        | 2.507       | -                            | 321           | -              | 1.226 | Năm 2018, Công ty đã nộp tiền thuế 231 triệu đồng; tiền khác 56 triệu đồng, đã thực hiện cưỡng chế hóa đơn                    | Quý III/2019                   |
| 14  | Công ty TNHH Đông Việt Thái Nguyên; địa chỉ: Xóm Núi Hột, xã Linh Sơn, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên                                       | 1.195                        | 247         | 166                          | -             | -              | 782   | Ngày 8/02/2018, Công ty đã nộp xong tiền nợ thuế và phí   | Quý III/2019                   |
| 15  | HTX Khai thác và Sản xuất VLXD Quyết Thắng; địa chỉ: Tò dân phố Trung, phường Bắc Sơn, thị xã Phú Yên, tỉnh Thái Nguyên                              | 443                          | 1           | -                            | -             | 442            | -     |   | Quý III/2019                   |
| 16  | Công ty TNHH Đại Hữu và Dầu khí; địa chỉ: Xóm Hưng Thịnh, xã Trung Thành, thị xã Phú Yên, tỉnh Thái Nguyên   | 72                           | 22          | 1                            | 30            | 19             | -     | Công ty đã nộp hết tiền nợ thuế trong tháng 02 và tháng 6/2018 là 72 triệu đồng   | Quý III/2019                   |
| 17  | Công ty TNHH Kim loại màu Việt Bắc; địa chỉ: Khu CN nhỏ Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên  | 448                          | -           | -                            | 347           | 101            | -     |   | Quý III/2019                   |
| 18  | Công ty CP Khai khoáng miền núi; địa chỉ: Số 280/1, đường Bắc Kạn, Tổ 8, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên               | 38.134                       | 11          | -                            | 37.848        | -              | 275   | Công ty đang có kiến nghị tính lại trữ lượng, đề nghị trả lại 02 mỏ than. Trong tháng 01/2018 Công ty đã nộp là 3,889 tỷ đồng | Quý III/2019                   |

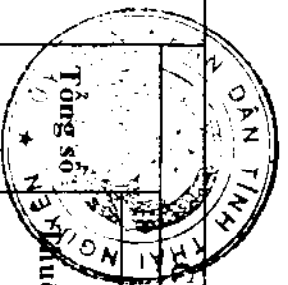
| STT | Tên Doanh nghiệp   | Các khoản chưa nộp ngân sách |          |             |                              |               |                | Ghi chú  | Thời gian thực hiện/hoàn thành |
|-----|--|------------------------------|----------|-------------|------------------------------|---------------|----------------|--|--------------------------------|
|     |  | Tổng số                      | Trong đó |             |                              |               | Các khoản khác |  |                                |
|     |  |                              | Thuế     | Phí, Lệ phí | Tiền cấp quyền KT khoáng sản | Tiền thuê đất |                |  |                                |
| 19  | Công ty CP Khoáng sản & CN Cao Bằng;<br>địa chỉ: Phường phố Cò, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên  | 94                           | -        | -           | -                            | 94            | -              | Quý III/2019   |                                |
| 20  | Công ty CP xi măng Cao Ngạn; địa chỉ: Phường Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên   | 192                          | -        | -           | -                            | 192           | -              | Công ty đang làm thủ tục trả mô<br>Quý III/2019  |                                |
| 21  | Công ty CP Khoáng sản An Khánh;<br>địa chỉ: Phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên  | 4.404                        | 218      | 291         | 3.895                        | -             | -              | Ngày 17/5/2018, Công ty nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là 1,2 tỷ đồng<br>Quý III/2019 |                                |
| 22  | Công ty CP Xây dựng và Thương mại Đại Long Giang; địa chỉ: Tổ 33, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên,   | 27                           | -        | -           | -                            | 27            | -              | Quý III/2019   |                                |
| 23  | Chi nhánh tại Thái Nguyên - Công ty CP Đầu tư bất động sản và Khoáng sản Đại Việt; địa chỉ: Xóm Dộc Lầy, xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên | 684                          | -        | 44          | 640                          | -             | -              | Công ty đã nộp hết nợ trong tháng 01 và tháng 3/2018 là 684 triệu đồng                         |                                |
| 24  | Công ty CP Vật liệu XD Bắc Thái; địa chỉ: Xóm Xuân Quang, xã Quang Sơn, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên  | 3.817                        | 452      | 144         | 3.221                        | -             | -              | Quý III/2019   |                                |
| 25  | Công ty CP Gang Hoa Trung, địa chỉ: Số 440 đường Dương Tự Minh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên  | 3.995                        | -        | -           | 3.995                        | -             | -              | Công ty đang ngừng hoạt động<br>Quý III/2019   |                                |

| STT | Tên Doanh nghiệp   | Các khoản chưa nộp ngân sách |      |             |                              |               |                | Ghi chú  | Thời gian thực hiện/hoàn thành |
|-----|--|------------------------------|------|-------------|------------------------------|---------------|----------------|--|--------------------------------|
|     |  | Tổng số                      | Thuế | Phí, Lệ phí | Trên cấp quyền KT khoáng sản | Tiền thuê đất | Các khoản khác |  |                                |
| 26  | Công ty CP đá ốp lát và VI.XD; địa chỉ: Phường Chùa Hang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên  | 551                          | 235  | 22          | -                            | 294           | -              | Tháng 01/2018, Công ty đã nộp hết số nợ là 551 triệu đồng                |                                |
| 27  | Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu XD Đại Việt; địa chỉ: Số nhà 748A, Tò 12, Phường Dông Quang, thành phố Thái Nguyên; tỉnh Thái Nguyên               | 14.031                       | 55   | -           | 13.976                       | -             | -              |  | Quý III/2019                   |
| 28  | Công ty TNHH Xây dựng Trường Phát; địa chỉ: Tò 6, Hồ Khu Tây, phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên                                | 5.275                        | 141  | -           | 3.857                        | -             | 1.277          |  | Quý III/2019                   |
| 29  | Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển nông thôn miền núi; địa chỉ: Số 598, đường Thông Nhất, phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên | 2.120                        | -    | -           | 1.863                        | -             | 257            |  | Quý III/2019                   |
| 30  | Công ty CP Cơ khí 3-2 Thái Nguyên; địa chỉ: 299 đường Dương Tự Minh, phường Tân Long, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên                        | 228                          | -    | -           | -                            | -             | 228            |  | Quý III/2019                   |
| 31  | Công ty CP Cơ điện Luyện Kim - Mô đá Núi Voi; Tò 25, phường Chùa Hang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên                                       | 4.618                        | -    | -           | 4.652                        | -34           | -              | Năm 2018, Công ty đã nộp tiền cấp quyền Khai thác khoáng sản 1,3 tỷ đồng | Quý III/2019                   |



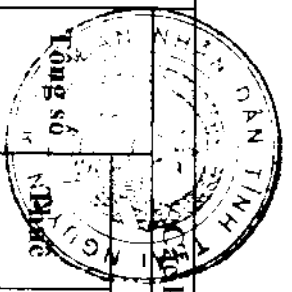
| STT | Tên Doanh nghiệp  | Các khoản chưa nộp ngân sách |        |             |                              |               | Thời gian thực hiện/hoàn thành |  |              |
|-----|---|------------------------------|--------|-------------|------------------------------|---------------|--------------------------------|--|--------------|
|     |   | Tổng số                      | Thuế   | Phí, Lệ phí | Tiền cấp quyền KT khoáng sản | Tiền thuế đất |                                | Các khoản khác   |              |
| 32  | Công ty TNHH MTV Xây dựng và Khai khoáng Việt Bắc; địa chỉ: Tổ 3, phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên                 | 39.516                       | 35.588 | 487         | 3.318                        | 123           | -                              | Công ty giải thể theo Quyết định số 1754/QĐ-BQP ngày 22/5/2017 của Bộ Quốc phòng | Quý III/2019 |
| 33  | Công ty TNHH Đức Vạn Thông Thái Nguyên Việt Trung; địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường Phố Cò, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên              | 3.128                        | 2.367  | -           | 761                          | -             | -                              | Ngày 27/6/2018, Công ty đã nộp thuế giá trị gia tăng 50 triệu đồng               | Quý III/2019 |
| 34  | Công ty CP Gang Thép Gia Sàng; địa chỉ: Số 880, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên         | 9.794                        | 327    | 251         | 7.503                        | 249           | 1.464                          | Năm 2018, Công ty đã nộp 1,416 tỷ đồng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản       | Quý III/2019 |
| 35  | Công ty CP Đầu tư và XD Hà Nội; địa chỉ: Tổ 15, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên                               | 17.837                       | -      | -           | 12.120                       | -             | 5.717                          | Đã cường chế hóa đơn, đề nghị thu hồi giấy phép khai thác                        | Quý III/2019 |
| 36  | Công ty Bảo Khánh Thái Nguyên; địa chỉ: Số 123B, ngõ 50 đường Phố Hương, tổ 11, phường Trung Thành, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên | 7                            | -      | -           | -                            | -             | 7                              |  | Quý III/2019 |
| 37  | Công ty TNHH Hải Thành; địa chỉ: Số 153, tổ 9, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên                              | 4                            | -      | -           | -                            | -             | 4                              |  | Quý III/2019 |
| 38  | CTCP Vật liệu & Xây dựng Tân Long; địa chỉ: Phường Tân Long, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên  | 265                          | -      | -           | -                            | 265           | -                              |  | Quý III/2019 |

| STT | Tên Doanh nghiệp   | Các khoản chưa nộp ngân sách |          |             |                              |               |                | Ghi chú   | Thời gian thực hiện/hoàn thành |
|-----|--|------------------------------|----------|-------------|------------------------------|---------------|----------------|---|--------------------------------|
|     |  | Tổng số                      | Trong đó | Phí, Lệ phí | Tiền cấp quyền KT khoáng sản | Tiền thuê đất | Các khoản khác |   |                                |
| 39  | Công ty CP Thương mại Đại Lâm; địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường Ba Hàng, thị xã                                 | 436                          | 436      | -           | -                            | -             | -              | Công ty đã nộp hết số nợ 436 triệu đồng trong năm 2018  | Quý III/2019                   |
| 40  | Công ty TNHH Khai Khoáng Đình An Phát; địa chỉ: Xóm Thù Lâm, xã Tiên Phong, thị xã Phò Yên, tỉnh Thái Nguyên | 174                          | 167      | 7           | -                            | -             | -              | Ngày 23/01/2018, Công ty đã nộp hết số nợ 174 triệu đồng  |                                |
| 41  | CN Doanh nghiệp TN Việt Cường; địa chỉ: Xóm Na Lay, xã Quang Sơn, huyện Đông Hy, tỉnh Thái Nguyên            | 69                           | 53       | 13          | -                            | -             | 3              | Doanh nghiệp đã nộp hết số nợ 69 triệu đồng vào ngày 18/01/2018 và 27/02/2018   |                                |
| 42  | Doanh nghiệp Ngọc Tú; địa chỉ: Phố Giang Bình, thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên        | 353                          | 53       | 17          | 152                          | -             | 131            | Năm 2018, Doanh nghiệp đã nộp 152 triệu đồng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; 14 triệu đồng tiền phí bảo vệ môi trường; 63 triệu đồng tiền thuế | Quý III/2019                   |
| 43  | Cty TNHH XNK Thương Mại Vinh Thịnh; địa chỉ: Xóm 9, xã Cỏ Lủng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên            | 164                          | 164      | -           | -                            | -             | -              |   | Quý III/2019                   |
| 44  | CN Nhà máy gạch tuynel Phú Lộc; địa chỉ: Xóm Cống Đồn, xã Cỏ Lủng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên         | 38                           | 26       | 6           | -                            | -             | 6              |   | Quý III/2019                   |
| 45  | Công ty TNHH Đức Thắng; địa chỉ: Thôn Na què, xã Phương Tiên, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên               | 498                          | 185      | 74          | 239                          | -             | -              |   | Quý III/2019                   |



| STT | Tên Doanh nghiệp   | Các khoản chưa nộp ngân sách |          |             |                              |               |                | Ghi chú   | Thời gian thực hiện/hoàn thành |
|-----|--|------------------------------|----------|-------------|------------------------------|---------------|----------------|---|--------------------------------|
|     |  | Tổng số                      | Trong đó |             |                              |               |                |   |                                |
|     |  |                              | Thuế     | Phí, Lệ phí | Tiền cấp quyền KT khoáng sản | Tiền thuế đất | Các khoản khác |   |                                |
| 46  | Công ty TNHH Thương mại Cường Phúc;<br>địa chỉ: Xóm La Oai, xã Quang Sơn,<br>huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên | 1.630                        | -        | -           | 1.630                        | -             | -              | Quý III/2019  |                                |
| 47  | Công ty CP Thái Sơn; địa chỉ: Xóm Tân Lập, thị trấn Sông Cầu, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên                | 133                          | 120      | 11          | -                            | -             | 2              | Ngày 27/2/2018, Công ty đã nộp hết số nợ 133 triệu đồng   |                                |
| 48  | Công ty TNHH Lăng Hoa; địa chỉ: Xóm Ngòi Chèo, xã Nam Hòa, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên                   | 72                           | 62       | 8           | -                            | -             | 2              | Trong năm 2018, Công ty đã nộp hết số nợ 72 triệu đồng  |                                |
| 49  | Công ty TNHH Chiến Thắng; địa chỉ: Xóm Xuân Quang 2, xã Quang Sơn, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên           | 351                          | 197      | 82          | -                            | -             | 72             | Ngày 01/2/2018, Công ty đã nộp số tiền 318,2 triệu đồng   |                                |
| 50  | Công ty TNHH Hải Bình; địa chỉ: Xóm An Thái, xã Hòa Thượng, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên                  | 5.993                        | -67      | -           | 4.668                        | -             | 1.392          | Quý III/2019  |                                |
| 51  | Hợp tác xã Quân Sơn; địa chỉ: Xóm Tân Thái, xã Hòa Thượng, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên                   | 61                           | 51       | 8           | -                            | -             | 2              | Trong năm 2018, Hợp tác xã đã nộp hết số nợ 61 triệu đồng   |                                |
| 52  | Doanh nghiệp tư nhân Chiến Oanh;<br>địa chỉ: Xóm Tiên Phong, xã Khe Mo, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên      | 37                           | 33       | 3           | -                            | -             | 1              | Ngày 31/1/2018, Doanh nghiệp đã nộp hết số nợ 37 triệu đồng   |                                |
| 53  | Công ty TNHH Bình Dương; địa chỉ: Xóm Phố, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên                       | 1.260                        | 561      | 363         | -                            | -             | 336            | Trong năm 2018, Công ty đã nộp số còn nợ là 1,1 tỷ đồng, trong đó: Thuế tài nguyên 635 triệu đồng, thuế giá trị gia tăng 35 triệu đồng; phí bảo vệ môi trường 320 triệu đồng, các khoản | Quý III/2019                   |





| STT | Tên Doanh nghiệp  | Trong đó |             |                              |               |                |     | Ghi chú   | Thời gian thực hiện/hoàn thành |
|-----|---|----------|-------------|------------------------------|---------------|----------------|-----|---|--------------------------------|
|     |   | Tổng số  | Phí, Lệ phí | Tiền cấp quyền KT khoáng sản | Tiền thuê đất | Các khoản khác |     |   |                                |
| 54  | Công ty CP thương mại và đầu tư xây dựng Tân Lập; địa chỉ: Tõ 11, đường Thanh niên xung phong, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên | 1.094    | 602         | 191                          | 185           | 29             | 87  | Trong năm 2018, Công ty đã nộp số còn nợ là 839,7 triệu đồng, trong đó: Thuế tài nguyên 500 triệu đồng, phí bảo vệ môi trường 335 triệu đồng, các khoản khác 4,7 triệu đồng | Quý III/2019                   |
| 55  | Công ty TNHH Thương mại khai khoáng Hoàng Long; địa chỉ: Xóm Yên Ngựa, xã Lâu Thượng, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên                                   | 41       | 28          | 7                            | -             | -              | 6   |   | Quý III/2019                   |
| 56  | Công ty TNHH Xây dựng và Đào tạo Á Châu; địa chỉ: Số 97 A ngõ 35 đường Phan Đình Phùng, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên       | 2.120    | 1.023       | 697                          | -             | -              | 400 | Đã đóng của mô  | Quý III/2019                   |
| 57  | Công ty CP Quốc Cường Mê Linh; địa chỉ CN: Xóm Nón, xã Nhã Lộc, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên  | 1.964    | 52          | 13                           | 1.898         | -              | 1   |   | Quý III/2019                   |
| 58  | Công ty CP XD và SX vật liệu Thái Nguyên; địa chỉ: Tõ 15, phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên                                    | 779      | 68          | 3                            | 582           | -              | 126 | Trong năm 2018, Công ty đã nộp hết số nợ 779 triệu đồng   |                                |
| 59  | Công ty CP Kim Sơn; địa chỉ: Tõ 15, phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên   | 33       | -           | -5                           | 33            | -              | 5   |   | Quý III/2019                   |
| 60  | Công ty TNHH Dầu tư Sản xuất và Thương mại Thành Hưng; địa chỉ: Số 177 Lê Hồng Phong, phường Đông Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình            | 4.556    | -           | -                            | 4.556         | -              | -   |   | Quý III/2019                   |

| STT | Tên Doanh nghiệp  | Các khoản chưa nộp ngân sách |               |               |                              |               |                | Thời gian thực hiện/hoàn thành   |              |
|-----|---|------------------------------|---------------|---------------|------------------------------|---------------|----------------|--|--------------|
|     |   | Tổng số                      | Trong đó      |               |                              |               |                |  |              |
|     |   |                              | Thuế          | Phí, Lệ phí   | Tiền cấp quyền KT khoáng sản | Tiền thuế đất | Các khoản khác |  |              |
| 61  | Công ty TNHH Minh Hiền VHC; địa chỉ: Tổ 2, phường Tân Thành, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên  | 3.276                        | -             | 7             | 3.269                        | -             | -              | Ngày 22/3/2018, Công ty đã nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản 727 triệu đồng                                  | Quý III/2019 |
| 62  | Công ty CP Đại hữu và Phát triển dầu khí, địa chỉ: Xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên  | 7.123                        | -14           | 14            | 7.123                        | -             | -              | Chưa có quyết định thuế đất, gặp khó khăn trong giải phóng mặt bằng  | Quý III/2019 |
| 63  | HTX Xây dựng và Vận tải Hoa Bằng; địa chỉ: Xóm Phố, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên   | 1.014                        | 548           | 2             | 464                          | -             | -              | Chủ Hợp tác xã đã bỏ tròn - Thông báo bỏ địa chỉ kinh doanh số 797/TB-CCT ngày 02/10/2016 của Chi cục Thuế Võ Nhai | Quý III/2019 |
| 64  | Công ty CP Dầu tư và SX Công nghiệp; địa chỉ: Số 574, đường Cách Mạng Tháng Tám, tổ 15, phường Trung Thành, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên | 5.720                        | 5.720         | -             | -                            | -             | -              |  | Quý III/2019 |
| 65  | Công ty TNHH Phương Nhung; địa chỉ: Số 413, đường Cách Mạng Tháng Tám, tổ 1, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên; tỉnh Thái Nguyên               | 10                           | -             | -             | -                            | 10            | -              |  | Quý III/2019 |
|     | <b>Tổng cộng</b>  | <b>376.973</b>               | <b>95.299</b> | <b>23.382</b> | <b>189.828</b>               | <b>3.587</b>  | <b>64.877</b>  |  |              |